

Số: /BC-STNMT

Trà Vinh, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2024 lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Kính gửi:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ kế hoạch công tác, Sở Tài nguyên và Môi trường (sau đây viết tắt là Sở TNMT) báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2024, như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUNG

1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Tham mưu 23 văn bản, hoàn thành 16 văn bản (10 QPPL, 6 cá biệt), đang thực hiện 07 văn bản (7 cá biệt). (Đính kèm Phụ lục 1)

2. Cải cách thủ tục hành chính (CCHC)

Sở TNMT hiện có 107 thủ tục hành chính¹ (TTHC). 100% TTHC được công khai theo quy định². Sở TNMT duy trì đường dây nóng (0962248214, 0968457459), hộp thư điện tử (stnmt@travinh.gov.vn) tiếp nhận, xử lý hơn 65 phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, không có trường hợp tồn đọng; duy trì áp dụng, củng cố, hoàn thiện quy trình nội bộ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia (TCVN ISO 9001:2015). Bố trí thường trực 4 công chức, viên chức, người lao động (sau đây viết tắt là CC, VC, NLD) tại Trung tâm hành chính công của tỉnh và 39 nhân viên tại bộ phận một cửa của Văn phòng UBND cấp huyện để tiếp nhận, giải quyết TTHC kịp thời cho người dân, doanh nghiệp.

Kết quả giải quyết TTHC từ ngày 01/01/2023 đến 20/11/2023:

- Trung tâm HC công (tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo): Tổng nhận 855 hồ sơ (kỳ trước chuyển qua 65; nhận trong kỳ 780; nhận trực tuyến trong kỳ 10). Kết quả: đã giải quyết 577 hồ sơ (đúng hạn 577, đạt 100%; không có hồ sơ trễ hạn), đang giải quyết trong hạn 39 hồ sơ, tạm dừng 54 hồ sơ, trả lại do không đủ điều kiện giải quyết 178 hồ sơ, đã hủy 7 hồ sơ.

- Bộ phận 1 cửa UBND cấp huyện (hộ gia đình, cá nhân): Tổng nhận 187.558 hồ sơ. Kết quả: đã giải quyết 180.252 hồ sơ (đúng hạn 184.257, đạt tỷ lệ 98,24%; trễ hạn 3.301, chiếm tỷ lệ 1.76%); đang thực hiện 7.306 hồ sơ (trong đó tạm dừng 2.285 hồ sơ, có 23 hồ sơ quá hạn).

Phối hợp Bưu điện tỉnh thực hiện triển khai dịch vụ tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích: 1.639 hồ sơ, nâng tổng số từ ngày 15/9/2018

¹ Cấp tỉnh 87, cấp huyện 17, cấp xã 3.

² Trục tiếp công dân 3 cấp (tỉnh, huyện, xã), Trang thông tin điện tử của Sở TNMT (<http://tnmttravinh.gov.vn>) và Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh.

đến nay được 9.829 hồ sơ. *Hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4*: nhận 17.740 hồ sơ (hoàn thành 15.450, tạm dừng 255, hoàn trả 1.727, đang thực hiện 316). Tỷ lệ trễ hẹn 472 hồ sơ (chiếm 2,66%).

Triển khai đề án “*Dịch vụ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC về đất đai theo nhu cầu của người sử dụng đất*” (thí điểm tại TP Trà Vinh), kết quả: tiếp nhận thông tin 195 hồ sơ, ký hợp đồng thực hiện **170 hồ sơ** (đã trả kết quả 151, đang thực hiện 19), hướng dẫn không ký hợp đồng 25 hồ sơ.

3. Kiến toàn tổ chức bộ máy

Trình ban hành sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở TNMT³. Hiện tại, Sở TNMT có 5 phòng, 4 đơn vị sự nghiệp (tự chủ 100%), được giao 52 biên chế công chức (có mặt 50/52).

Trình phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh cán bộ diện Tỉnh ủy quản lý, nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm kỳ 2026-2031; Quyết định phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025 theo thẩm quyền. Tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở TNMT theo Quy định số 96-QĐ/TW ngày 02/02/2023 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 111-KH/TU ngày 14/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Thực hiện công tác cán bộ đối với 9 công chức, viên chức⁴; nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước hạn; hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung; nâng phụ cấp thâm niên nghề cho 23 CC, VC.

Cử 25 CC, VC dự các lớp tập huấn chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, lãnh đạo quản lý, bồi dưỡng ngắn hạn⁵. Ngoài ra, Sở còn cử CC, VC, NLĐ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về VTVL theo thông báo chiêu sinh của SNV và các cơ sở đào tạo khác; đăng ký nhu cầu nâng ngạch từ cán sự lên chuyên viên (1 CC); nhu cầu thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng II (1 VC).

Trình Sở Nội vụ phê duyệt kết quả tiếp nhận vào làm viên chức đối với 59 chỉ tiêu⁶; chuyển đổi 1 vị trí công tác đối với CC; quản lý tốt hồ sơ CC, VC, NLĐ; triển khai xây dựng vị trí việc làm CC, VC; triển khai, cập nhật làm sạch thông tin, dữ liệu phần mềm quản lý CBCCVC; đánh giá, xếp loại chất lượng đối với CC, VC, NLĐ hàng tháng theo Quy chế ban hành.

4. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, công tác tập huấn và kết quả triển khai thực hiện các văn bản do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ ngành Trung ương ban hành trong năm 2023

Các văn bản QPPL của Trung ương, của tỉnh có liên quan đến ngành được triển khai đầy đủ, nhanh chóng. Đồng thời, Sở tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, có trách nhiệm **27 văn bản chỉ đạo, điều hành** của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ TNMT. (Đính kèm Phụ lục 2)

Tổ chức lớp tập huấn 4 chuyên đề về giải quyết TTHC về đất đai; scan quét hồ sơ, văn hóa, kỹ năng giao tiếp, ứng xử tại Bộ phận một cửa; đăng ký kê khai, cấp Giấy chứng nhận lần đầu; giá đất; tách thửa, hợp thửa: với 92 viên

³ Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

⁴ Kéo dài thời gian giữ chức vụ (Giám đốc Sở) 1 hồ sơ; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 5 hồ sơ (2 CC, 2 VC); chuyển công tác và bổ nhiệm 1 hồ sơ (1 VC); điều động và bổ nhiệm 1 hồ sơ (1 CC); tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm 1 hồ sơ (1 VC); trình chuyển xếp và bổ nhiệm ngạch thanh tra viên (1 hồ sơ).

⁵ Lớp trung cấp lý luận chính trị (6 CC, VC); lớp bồi dưỡng QLNN ngạch chuyên viên (3 CC, VC); lớp bồi dưỡng QLNN ngạch chuyên viên chính (1 VC); Bồi dưỡng tiếng Anh trình độ bậc 3 (1 CC); bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng (8 CC, VC); bồi dưỡng QPAN (6 CC, VC).

⁶ Trung tâm CNTT TNMT 8 chỉ tiêu; VPĐK đất đai 51 chỉ tiêu.

chức, người lao động tham dự; hoàn thành tổ chức hội nghị triển khai Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 và Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/5/2023 của Chính phủ; Hoàn thành tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Bộ TN&MT⁷.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hưởng ứng: Ngày môi trường thế giới (05/6/2023), Ngày Đại dương thế giới (08/6/2023)⁸; chiến dịch Làm cho Thế giới sạch hơn; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường⁹; tuyên truyền thu gom, tái sử dụng, tái chế rác thải nhựa¹⁰; Ngày nước thế giới (22/3/2023); Ngày khí tượng thế giới (23/3/2023); hoàn thành Kế hoạch tuyên truyền quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam năm 2023¹¹.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN NĂM 2023

1. Lĩnh vực tài nguyên đất

a) Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Hoàn thành Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến từng đơn vị hành chính cấp huyện đã tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Trà Vinh kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023).

- Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 tỉnh Trà Vinh: tham mưu UBND tỉnh trình Bộ TNMT thẩm định, Bộ đang lấy ý kiến thành viên hội đồng thẩm định, chờ phê duyệt.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện: đã thẩm định 9/9 (đạt 100%). Theo dõi, kiểm tra trình UBND tỉnh phê duyệt trong tháng 12 năm 2023.

- Hoàn thành Thông kê đất đai năm 2022 (cấp tỉnh): Bộ TNMT phê duyệt và công bố tại Quyết định số 3048/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2023.

- Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa chuyển sang sử dụng vào mục đích khác: Hoàn thành điều chỉnh, bổ sung năm 2023 với **33** công trình, dự án¹². Năm 2024: đã trình HĐND tỉnh **82** công trình, dự án cần thu hồi đất; **56** công trình, dự án cần chuyển mục đích.

b) Giá đất:

Định giá đất cụ thể: **2** dự án (*đấu giá thừa đất 500 tại xã Trường Long Hòa; dự án cầu Đại Ngãi*); hoàn thành sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) tại Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 14/7/2023).

c) *Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ)*: cấp lần đầu được 373 giấy (diện tích 57,76 ha), nâng tổng số Giấy chứng nhận đã cấp toàn tỉnh đến nay 626.714 giấy (diện tích 192.959,51ha), đạt **99,40%** diện tích cần cấp. Cấp lại,

⁷ Sở đã tổ chức 2 hội nghị tại Sở, tại UBND tỉnh; đề nghị và tổng hợp ý kiến, báo cáo góp ý của sở, ban, ngành (3 hệ), địa phương và nhân dân.

⁸ Tổ chức mittinh khoảng 1.000 người dự. Treo 70 băng roll ngang (8m x 1m x 70 tấm; số lượng 560 m²), 20 băng roll đứng (2m x 0,8m x 20 tấm; số lượng 32 m²), 01 phòng nền mittinh (5m x 10m; số lượng 50 m²); 1.000 cái nón (vải cotton, màu phối trắng và xanh, có khoắc kim loại); 1.500 túi sinh thái (loại vải bố, kích thước: ngang 35 (cm) x cao 40 (cm), miệng túi bằng gai xù, in lụa giống mẫu); có in hình tuyên truyền về BVMT. Ngoài ra, còn tổ chức làm sạch đẹp môi trường như phát quang bụi rậm, trồng cây, dọn dẹp vệ sinh.

⁹ Hỗ trợ 6.500 bướm tin tuyên truyền về BVMT; phát sóng (02 tuần/lần) theo hình thức chuyên đề (56 câu hỏi - đáp) (đã phát 9/11 kỳ với 48/56 câu hỏi đáp).

¹⁰ Hỗ trợ 2.000 bướm tin tuyên truyền; tổ chức 01 buổi Hội thảo phổ biến và chia sẻ kinh nghiệm về các giải pháp quản lý chất thải nhựa; triển khai 06 mô hình hạn chế rác thải nhựa tại 06 trường học; tập huấn chuyên đề phân loại thu gom giảm thiểu rác thải nhựa cho các Hợp tác xã nông nghiệp (02/05/2023).

¹¹ Cập nhật khẩu hiệu trên 18 bảng Pano Led tuyên truyền Tuần lễ biển và hải đảo; Sửa chữa, thiết kế in Decal và lợp mới 06 bảng pano Chiến lược phát triển bền vững kinh tế Biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; ra quân làm sạch bãi biển xã Đông Hải, huyện Duyên Hải hưởng ứng Tuần lễ biển và hải đảo, với 155 người tham gia, thu gom, xử lý khoảng 01 tấn rác.

¹² Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 với 20 công trình, dự án cần thu hồi đất; Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 14/7/2023, với 11 công trình, dự án cần chuyển mục đích.

cấp đổi: Nhận 10.470 thửa, thực hiện được **10.033** thửa, nâng tổng số thửa đã thực hiện toàn tỉnh từ ngày 31/12/2009 đến nay là **277.453** thửa, chuyển trả 01 hồ sơ, đang thực hiện 436 hồ sơ.

d) Quản lý đất công:

- **46** khu đất, với tổng diện tích **2.510.984,2m²**, trong đó **45** khu đất đã được phê duyệt đưa vào Phương án quản lý các khu đất năm 2023 với tổng diện tích **2.466.534,9m²**. Kiểm tra hiện trạng **432 lượt/4 tháng** các khu đất về ranh giới, không để xảy ra tình trạng lấn chiếm, chiếm dụng, khai thác khoáng sản, đổ chất thải trái quy định; phát hoang, vệ sinh mặt bằng, cắm cọc ranh, lắp bảng thông báo quản lý; xử lý vướng mắc 2/7 khu đất phát sinh, còn 5 khu tiếp tục có kế hoạch xử lý dứt điểm; đề xuất khai thác **22** khu đất¹³. (Đính kèm Phụ lục 3)

- Đấu giá QSD đất: Sở đang triển khai đấu giá **4** khu đất (*1 khu đã tổ chức đấu, chờ UBND tỉnh công nhận, 3 khu đang hoàn thiện thủ tục*)¹⁴.

- Thẩm định hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: **136** hồ sơ (*trong đó: giao đất 22, thuê đất 68, thu hồi đất 14, cấp GCNQSD đất 20, gia hạn 9, chuyển hình thức 3*); bàn giao đất trên thực địa 90 hồ sơ.

- Công tác giải phóng mặt bằng: **81** công trình (chuyển tiếp 53 công trình). Kết quả: chi trả hoàn thành **12** công trình; đang chi trả **37** công trình; 32 công trình đang triển khai thực hiện kê biên kiểm đếm và lập thủ tục để đủ cơ sở phê duyệt phương án. (Đính kèm Phụ lục 4)

e) Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TU, ngày 05/4/2019 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường quản lý đất đai: Sở đề xuất Tỉnh ủy có **4** kết luận, ý kiến chỉ đạo; UBND tỉnh ban hành **5** văn bản chỉ đạo; Sở có **4** báo cáo, 20 văn bản phối hợp với UBND cấp huyện và tham gia đoàn công tác do Giám đốc Sở làm trưởng đoàn đến làm việc trực tiếp với Cấp ủy và UBND cấp huyện về thực hiện Chỉ thị 46 và quản lý đất công.

g) Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai: Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thuộc Dự án VILG (đứng top 3 cả nước) đã kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư¹⁵.

2. Lĩnh vực môi trường (BVMT)

a) Thủ tục môi trường (TTMT) và thu phí BVMT nước thải công nghiệp:

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Tiếp nhận 19 hồ sơ. Tổ chức thẩm định **15** dự án (*đã trình UBND tỉnh phê duyệt 8 dự án, 7 dự án đang chỉnh sửa*), đang xem xét 1 hồ sơ; hoàn trả 3 hồ sơ; Cấp Giấy phép môi trường (GPMT): Tiếp nhận 20 hồ sơ. Trình UBND tỉnh cấp GPMT 12 hồ sơ, chỉnh sửa bổ sung 6 hồ sơ, đang xem xét 1 hồ sơ, hoàn trả 1 hồ sơ. Hướng dẫn: 10 công ty, cơ quan, đơn vị thực hiện TTMT, gửi ý kiến chủ trương đầu tư cho 24 dự án.

¹³ 2 khu đấu giá giao hộ gia đình, cá nhân; 7 khu kêu gọi đầu tư; 11 khu đấu giá thực hiện dự án và 2 khu khai thác theo Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 đối với thửa đất nhỏ hẹp.

¹⁴ **Khu 1:** Dự án Khu nhà ở thương mại đường 1/5, Khóm 1, Phường 1, thị xã Duyên Hải (UBND tỉnh chỉ đạo hoàn thiện các điều kiện để đấu giá. Chờ Quyết định phê duyệt 1/500 và điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, sẽ tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo); **Khu 2:** Thửa đất số 689, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại Khóm 1, Phường 1, thành phố Trà Vinh (UBND tỉnh giao thuê đơn vị có chức năng để xác định giá đất cụ thể và xác định giá trị tài sản trên đất. Khi có Quyết định phê duyệt giá khởi điểm, sẽ thực hiện các bước tiếp theo). **Khu 3:** Thửa đất số 500, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải (đã tổ chức đấu xong, chờ UBND tỉnh Trà Vinh công nhận kết quả). **Khu 4:** 2 thửa đất: thửa số 1056, tờ bản đồ số 14 diện tích 113,5m² và thửa đất số 963, tờ bản đồ số 10, diện tích 260,7m² (đang hoàn thiện Phương án trình phê duyệt).

¹⁵ Theo nội dung nêu tại Công văn số 6691/BTNMT-CNTT ngày 08/11/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thành triển khai nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022.

- Thông báo thu phí Quý IV/2022, quý I, II, III/2023 với khoảng 100 tỷ đồng. Phát hành 5 văn bản gửi Bộ TNMT báo cáo tình hình thu phí và hỗ trợ thu phí các Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải.

b) Kiểm soát ô nhiễm:

- Quan trắc môi trường định kỳ: **18** đợt (12 môi trường nền, 6 môi trường tác động)¹⁶; vận hành **7** trạm quan trắc tự động, liên tục (2 nước mặt, 2 nước biển, 3 không khí) để theo dõi, giám sát diễn biến chất lượng môi trường.

- Kiểm tra công tác BVMT **18** đơn vị¹⁷; kiểm tra, giám sát thường xuyên Trung tâm Điện lực DH (quan trắc tự động, bụi than bay); đợt xuất, phản ánh: **8** cuộc (nhất là các bãi rác, nhà máy xử lý rác, nhà máy nước,...).

c) Kết quả thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết của Tỉnh ủy:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Ghi chú
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	99,35	99,35	Đạt
2	Tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý	%	100	100	Đạt
3	Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt				
	+ Khu vực đô thị	%	98,3	99,7	Đạt
	+ Khu vực nông thôn	%	78,8	83,25	Đạt
4	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg được xử lý	%	87,5	87,5	Đạt

d) Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới (NTM):

- Ban hành **3** Kế hoạch hỗ trợ NTM¹⁸, **8** văn bản hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường, bổ sung thành phần hồ sơ từng chỉ tiêu cấp xã, huyện (Trà Cú, Cầu Kè, xã Tân An) và xác định khối lượng chất thải nhựa phát sinh từ nguồn sinh hoạt hàng ngày; **12** văn bản có liên quan để đơn đốc báo cáo, rà soát, tăng cường thực hiện tiêu chí môi trường, hướng dẫn xử lý tro, xỉ lò đốt và đề xuất mô hình điển hình về BVMT trong xây dựng NTM; **8** Báo cáo kết quả hỗ trợ xã, huyện NTM, NTM nâng cao, kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Tháo gỡ khó khăn trong xử lý rác thải sinh hoạt của huyện Trà Cú. Xin chủ trương tạm dừng thực hiện phương án xử lý, đóng cửa bãi rác xã Long Hiệp, bãi rác thị trấn Trà Cú chuyển sang năm 2024. Đánh giá Đề án/Kế hoạch quản lý CTR sinh hoạt tại các huyện xây dựng NTM. Tham mưu UBND tỉnh để thực hiện giải pháp hạn chế ÔNMT tại các khu vực bãi rác. Triển khai đề án tăng cường năng lực, hạ tầng kỹ thuật thực hiện quản lý CTR (Quyết định 1446/QĐ-UBND ngày 23/7/2021).

- Tham gia **2** đoàn kiểm tra, thẩm định NTM; phối hợp các Sở, ban, ngành xác nhận tiêu chí số 17, tiêu chí 18 đối với **3** xã đạt chuẩn NTM, **11** xã đạt chuẩn

¹⁶ Lấy 72 mẫu môi trường nền (24 mẫu không khí và 48 mẫu nước mặt) và 422 mẫu môi trường tác động (156 mẫu không khí, 144 mẫu nước mặt, 72 mẫu nước dưới đất, 20 mẫu nước thải và 30 mẫu nước biển ven bờ).

¹⁷ Kế hoạch của Sở: 1 đợt 9/18 đơn vị, 9/18 đơn vị tự kiểm tra; đoàn kiểm tra Ban Quản lý khu kinh tế 5 công ty;

7 đơn vị;

¹⁸ Hỗ trợ đạt tiêu chí môi trường (1- huyện Trà Cú xây dựng NTM; 2- xã Tân An xây dựng xã NTM nâng cao; 3- xây dựng NTM năm 2023).

NTM nâng cao, **3** xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu¹⁹; đang xem xét xác nhận xã Vinh Kim (Cầu Ngang) NTM nâng cao.

- *Thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19/10/2022 của BTV Tỉnh ủy, Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh (Chỉ thị 27):*

Tham mưu UBND tỉnh thành lập Tổ công tác liên ngành về kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị 27. Sở TNMT thành lập Tổ giúp việc, kiểm tra, giám sát, đánh giá, chấm điểm việc triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh. Tổ chức **17** lượt kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chỉ thị 27 trên địa bàn 9 huyện, thị xã, thành phố. Qua đó đề nghị UBND **5** huyện: Càng Long, Châu Thành, Trà Cú, Tiểu Cần và thị xã Duyên Hải khắc phục những tồn tại theo kết quả kiểm tra Chỉ thị 27 của Sở TNMT.

Phát hành **5** văn bản đề nghị UBND cấp huyện tăng cường vệ sinh cảnh quan môi trường, thu gom xử lý rác thải các dịp Lễ, Tết. Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về tiêu chí đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện Chỉ thị 27 trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Lĩnh vực quản lý tài nguyên và biển

a) Lĩnh vực tài nguyên nước:

- Tham mưu UBND tỉnh: cấp **19** giấy phép (thăm dò nước dưới đất: 5; khai thác, sử dụng nước dưới đất: 13; khai thác, sử dụng nước mặt: 1); trình phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: hoàn thành **7** hồ sơ (số tiền 63.738.350 đồng).

- Hoàn thành kiểm tra **6/6** đơn vị được UBND tỉnh cấp phép hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước; hướng dẫn các đơn vị khai thác, sử dụng tài nguyên nước lắp đặt thiết bị giám sát, kết nối dữ liệu theo quy định tại Thông tư số 17/TT-BTNMT; Tham mưu UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 19/10/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 19/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Khảo sát, kiểm tra để cấp giấy phép tài nguyên nước: **23** cuộc; hướng dẫn, góp ý, tập huấn, triển khai, trao đổi xử lý đề nghị của địa phương, tổ chức, cá nhân về tài nguyên nước: **63** văn bản/vụ việc.

b) Lĩnh vực khoáng sản:

- Tham mưu cấp phép khoáng sản cát san lấp: nhận mới 11 hồ sơ. Kết quả: hoàn thành: **3** hồ sơ; hoàn trả: **3** hồ sơ; tiếp tục xử lý: **5** hồ sơ.

- Đóng cửa mỏ khai thác khoáng sản 2 công ty; đấu giá quyền khai thác khoáng sản thành công 2 mỏ cát²⁰; UBND tỉnh không công nhận kết quả trúng đấu giá 1 mỏ cát tại xã Đức Mỹ, huyện Càng Long (mỏ 1a); tham gia Tổ công tác liên ngành kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Công ty Cổ phần đầu tư Trung Hậu - Tổng 68 theo Quyết định số

¹⁹ **Kiểm tra** 5 huyện: Cầu Ngang, Duyên Hải, Trà Cú, Cầu Kè và Tiểu Cần. **Thẩm định, xác nhận:** 3 xã NTM: Ngãi Xuyên, Hàm Giang, Kim Sơn (Trà Cú); 12 xã NTM nâng cao: Long Khánh (Duyên Hải); Hiếu Trung (Tiểu Cần); Phương Thạnh, Mỹ Cẩm (Càng Long); Trường Long Hòa, Long Hữu (TX Duyên Hải); Hòa Tân, Châu Diên (Cầu Kè); Hưng Mỹ, Hòa Minh, Lương Hòa A (Châu Thành); Vinh Kim (Cầu Ngang); 3 xã NTM kiểu mẫu: An Trường (Càng Long); An Phú Tân (Cầu Kè) và Long Đức, thành phố Trà Vinh.

²⁰ Cấp 02 Giấy phép thăm dò khoáng sản (Ngọc Tuyết và Thiên Phú), hiện Công ty đã hoàn thành thăm dò; chuẩn bị họp Hội đồng thẩm định hồ sơ trữ lượng khoáng sản.

1279/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh; tiếp và làm việc với Đoàn giám sát Hội đồng Nhân dân tỉnh về công tác quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 – 2022; tham mưu xây dựng Chỉ thị thay thế Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động cải tạo đất nông nghiệp.

- Tổ chức kiểm tra **3** cuộc (1- kiểm tra 16 khu đồ bùn; 2- kiểm tra mỏ cát Công ty Ba Động; 3- kiểm tra 3 bãi chứa bùn K4, K5, K8); hướng dẫn, góp ý, trao đổi xử lý đề nghị của tổ chức, cá nhân và cung cấp thông tin: **50** văn bản/vụ việc.

b) Lĩnh vực quản lý tổng hợp biển và đảo:

- Giao khu vực biển: tiếp nhận 6 hồ sơ. Kết quả: hoàn thành 3 hồ sơ. Tiếp tục thực hiện: 3 hồ sơ; Ứng phó sự cố tràn dầu: tiếp nhận 3 hồ sơ. Kết quả: hoàn thành 1 hồ sơ. Tiếp tục xử lý 2 hồ sơ.

- Tham mưu UBND tỉnh: ban hành Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 26/12/2022 về việc thực hiện Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030; tiếp tục phối hợp với các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Quyết định số 3746/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; ban hành Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 06/07/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, góp ý, triển khai quy định pháp luật về quản lý tổng hợp biển và đảo, cung cấp thông tin,...: **33** văn bản/vụ việc.

c) Lĩnh vực KTTV-BĐKH:

- Hoàn thành nhiệm vụ “Xây dựng Kế hoạch phát triển mạng lưới khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Phối hợp thực hiện dự án “Nâng cao khả năng chống chịu, phát triển khu định cư con người và sinh thái gắn kết, bền vững thông qua các can thiệp hạ tầng quy mô nhỏ ở các vùng ven biển đồng bằng sông Cửu Long” (Dự án HREMRD) (UN-Habitat); tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 16/8/2023 về Quy chế phối hợp quản lý hoạt động KTTV trên địa bàn tỉnh. Ban hành văn bản góp ý kiến, cung cấp thông tin và triển khai quy định pháp luật có liên quan: **26** văn bản.

Ngoài ra, Sở đã có nhiều báo cáo, đề xuất, tổng hợp, thủ tục hành chính, báo cáo số liệu thống kê hơn **38** văn bản/vụ việc khác về công tác quản lý tài nguyên và biển.

4. Thanh tra TNMT

- Tiếp công dân tại Sở: **33** lượt (trong đó, Giám đốc Sở tiếp định kỳ 1 lượt). Tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch UBND tỉnh: **37** lượt. Nhận **70** đơn²¹ (tồn kỳ trước chuyển sang 6 đơn), đã xử lý **69/70** đơn, đang xử lý 1/70. Nội dung xử lý: đề xuất thụ lý 13 đơn; chuyển, hướng dẫn 67 đơn.

- Tham mưu giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai: Đơn thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh giao: **12** đơn. Kết quả: đã giải quyết **12** đơn, **đạt tỷ lệ**

²¹ Khiếu nại: 51 đơn; tố cáo: 02 đơn; kiến nghị, phản ánh: 14 đơn.

100%). Đơn thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở: 1 đơn; đã giải quyết xong, đạt 100%.

- Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh: hoàn thành **25/28** vụ việc; chỉ đạo xử lý hoàn thành **15/19** vụ việc phát sinh; báo cáo, trả lời, hướng dẫn **48** vụ việc; đóng góp văn bản **19** dự thảo; phối hợp tham gia xử lý, giải quyết, thanh tra, kiểm tra **24** vụ việc theo yêu cầu.

- Thanh tra, kiểm tra: **13** cuộc (kỳ trước chuyển sang 2 cuộc) đối với **34** tổ chức (*kế hoạch 4 cuộc, đột xuất 10 cuộc*). Kết quả: đã ban hành kết luận 18 tổ chức; 1 cá nhân. Chuyển Thanh tra tỉnh thanh tra toàn diện 1 tổ chức (Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.PHARM). Phát hiện 8 tổ chức và 1 cá nhân vi phạm, ban hành Quyết định xử phạt với số tiền **263,5 triệu đồng** (*đã nộp phạt 183,5 triệu đồng, chưa nộp phạt 80 triệu đồng*).

5. Lĩnh vực công nghệ và thông tin

Cung cấp thông tin bản đồ, hồ sơ địa chính, tọa độ, độ cao cho **14** cơ quan, đơn vị; quản trị và bảo trì hệ thống mạng nội bộ ổn định; theo dõi và vận hành hệ thống mạng Internet của Sở; Theo dõi vận hành, cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử Tài nguyên và Môi trường với hơn **430** tin bài; ứng dụng phần mềm Zoom để mở các cuộc họp trực tuyến; xây dựng cơ sở dữ liệu TNMT: cập nhật scan, quét **618** hồ sơ; bảo quản tốt kho lưu trữ tài liệu; vận hành máy chủ, duy trì vận hành hệ thống thông tin của Sở có hiệu quả, kịp thời xử lý các sự cố phát sinh giúp hệ thống ổn định, thông suốt.

Tiếp tục khai thực hiện “Đề án Tổng thể Ứng dụng và phát triển hệ thống CNTT lĩnh vực tNMT (giai đoạn 2022-2025)”: Năm 2023, Sở TNMT lập kế hoạch thực hiện, với giá trị giải ngân 70.238.387 đồng, tập trung số hóa, chuyển hệ tọa độ bản đồ địa chính 3 huyện Tiểu Cần, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải; hoàn thành nắn bản đồ 14/14 xã, số hóa ranh và đánh nhãn thửa là: 1.873,69 ha nâng tổng số 25.449,57/30.781,31 ha, nhập sổ mục kê là 3.947,45 ha nâng tổng số 15.949,94/30.781,31 ha, đạt hơn 80,52 % khối lượng; triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 ngành TNMT.

6. Tình hình thực hiện và giải ngân các công trình, dự án

Năm 2023, Sở được giao triển khai thực hiện 46 công trình, dự án, nhiệm vụ sự nghiệp với tổng dự toán được giao là: 87.052.765.000 (trong đó: giao đầu năm: 98.615.000.000 đồng, bổ sung trong năm: 637.765.000, giảm trong năm: 12.200.000.000 đồng). Hiện, Sở đã giải ngân: 25.387.223.384 đồng, tỷ lệ: 49,28 % . (*Đính kèm phụ lục 5*)

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

- Kịp thời tham mưu ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản QPPL, QLNN về TNMT, văn bản từng bước được hoàn thiện, đề xuất giải pháp để xử lý các “lỗ hổng”, chồng chéo của pháp luật, khó khăn, vướng mắc của ngành (*đặc biệt trong cơ chế chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; khoáng sản; cải tạo đất*), tạo nền tảng cho công tác QLNN chặt chẽ.

- Công tác CCHC, giải quyết số lượng lớn hồ sơ TTHC về đất đai, có chuyển biến mạnh mẽ, hồ sơ trễ giảm đáng kể (**1,76%**); thái độ, tinh thần trách nhiệm được chấn chỉnh, uốn nắn kịp thời, nguồn thu cho ngân sách từ đất đai ngày càng tăng.

- Tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, tuyên truyền chính sách pháp luật TNMT được nhanh chóng, đổi mới, nội dung cụ thể.

- Phối hợp, chia sẻ với Sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương được tăng cường, có trách nhiệm, đổi mới, hạn chế đùn đẩy, né tránh.

- Hoàn thành Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai; triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023, 2024; xây dựng TKKT-DT đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính (Duyên Hải, Trà Cú và TX Duyên Hải); tăng cường quản lý, sử dụng đất công; tổ chức lấy ý kiến Luật Đất đai (sửa đổi),...; hỗ trợ huyện, xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU, chỉ tiêu Nghị quyết Đảng bộ tỉnh (thu gom, xử lý chất thải rắn hàng tháng); tăng cường vận hành trạm quan trắc tự động, liên tục. Theo dõi thường xuyên chất lượng môi trường của tỉnh; tăng cường QLNN về tài nguyên khoáng sản, kiểm kê tài nguyên nước, giao khu vực biển,... với tinh thần trách nhiệm cao, đã cố gắng hoàn thành, tiếp tục có đóng góp rất lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tăng cường hiệu quả trong QLNN.

- Tập trung chỉ đạo, có trách nhiệm trong thực hiện các kiến nghị của KTNN, các kết luận thanh tra cấp trên và thanh tra cùng cấp. Khắc phục kịp thời các tồn tại, thiếu sót đã được chỉ ra và tích cực trong việc tìm giải pháp để khắc phục triệt để các tồn tại mang yếu tố lịch sử, khó thực hiện hoặc vượt thẩm quyền thực hiện.

- Công tác thanh tra, kiểm tra được tập trung chỉ đạo quyết liệt, số lượng cuộc thanh, kiểm tra có tăng lên, có trọng tâm, trọng điểm, nhiều điểm nóng, bức xúc của người dân và địa phương đã được giải quyết và ngăn chặn kịp thời.

2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc

- Một số nhiệm vụ như: nhiệm vụ của Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao; giải quyết một số tình huống phát sinh trong hoạt động quản lý về TNMT còn chưa kịp thời; chất lượng tham mưu một số văn bản quy phạm pháp luật trình HĐND, UBND tỉnh chưa bảo đảm tính pháp lý, chậm tham mưu sửa đổi, bổ sung; Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) của tỉnh Trà Vinh; TKKT-DT đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính huyện Duyên Hải, Trà Cú và TX Duyên Hải; chỉnh lý hồ sơ đất tặng cho, dân hiến; quản lý, xử lý đất công; cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho tổ chức; khắc phục kết luận Thanh tra, KTNN; đề xuất khai thác, đấu giá các thửa đất công; xử lý vấn đề môi trường tại các bãi rác còn chậm so với kế hoạch đề ra.

- Chất lượng, thủ tục hồ sơ trình thẩm định phương án bồi thường một vài công trình cũng còn sai sót phải chỉnh sửa bổ sung nhiều lần dẫn đến chậm phê duyệt phương án và bàn giao đất sạch cho chủ đầu tư.

- Khó khăn vướng mắc liên quan đến công tác thực hiện Kết luận Thanh tra số 1107/KL-TTTr liên quan đến việc thu phí, truy thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp các Nhà máy NĐDH; Sở TNMT đã phát hành 9 văn bản báo cáo Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; đề nghị Bộ Tài chính, Bộ TNMT (TCMT), Cục BVMT miền Nam, Vụ Môi trường hướng dẫn thực hiện thu phí, truy thu phí

BVMT NTCN các Nhà máy NĐDH. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa thống nhất hướng dẫn cho Sở TNMT để xử lý dứt điểm khó khăn này.

- Vướng mắc trong việc mua sắm sửa chữa, thay thế linh kiện, phụ kiện và vật tư tiêu hao 02 trạm quan trắc không khí tự động, liên tục khi thực hiện theo phương án giao về Sở phải thực hiện lại trình tự trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch điều chỉnh, dự toán, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; điều chỉnh quyết định giao nhiệm vụ và tổ chức đấu thầu theo quy định, từ đó dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện.

- Công tác thanh tra, kiểm tra trên tuyến sông, khu vực biển chưa được thường xuyên, vẫn còn tình trạng vận chuyển khoáng sản trái phép, vận chuyển cát không rõ nguồn gốc hợp pháp; chưa thống nhất được trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong phối hợp xử lý (còn tình trạng UBND huyện trông chờ hỗ trợ của ngành tỉnh). Cấp huyện, cấp xã chưa cập nhật, nghiên cứu sâu về pháp luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản, dẫn đến việc tham mưu thực hiện chậm, còn thiếu sót.

*** Nguyên nhân:**

- Văn bản pháp luật về TNMT thay đổi thường xuyên; hành lang pháp lý ở một số công việc còn chưa được quy định rõ ràng, minh bạch; các khó khăn, vướng mắc của ngành thỉnh thoảng báo cáo khó khăn, vướng mắc về chuyên môn xin ý kiến cấp trên chậm trả lời (có việc gửi văn bản đến 4 lần nhưng chưa được hướng dẫn cụ thể) hoặc trả lời chung chung không thể vận dụng được làm cho công việc kéo dài, tồn đọng.

- Công việc phát sinh đột xuất ngày càng nhiều, quá tải, rất nặng nề (cả về số lượng, chất lượng), vụ việc phát sinh ngày càng phức tạp, xét mặt bằng chung thì khối lượng công việc lên từng cá nhân rất lớn, rất căng thẳng, trong khi đội ngũ CC, VC, NLĐ một số phòng, đơn vị còn mỏng nên từng lúc chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế dẫn đến có những công việc còn chậm so với tiến độ đề ra.

- Số lượng hồ sơ TTHC cho người dân tăng đột biến khác do chuyển đổi phương thức hoạt động của đơn vị theo Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ, giao thẩm quyền ký Giấy chứng nhận cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai dẫn đến đơn vị còn lúng túng trong tổ chức thực hiện.

- Việc phối hợp xử lý công việc của các Sở, ngành, địa phương đôi lúc chưa đồng bộ, một số nhiệm vụ xử lý vẫn còn kéo dài, chậm, chưa giải quyết dứt điểm, chưa đạt theo yêu cầu, Sở phải nhắc nhở, đôn đốc nhiều lần, bằng nhiều hình thức như văn bản, tập huấn, hướng dẫn, họp trực tiếp tại địa phương nhưng tình hình chậm chuyển biến, địa phương có tính ỷ lại, đùn đẩy lên tỉnh các việc thuộc trách nhiệm của mình.

- Một số vụ việc được giao thực hiện có tính chất phức tạp, kéo dài nhiều năm, hồ sơ chứng cứ cần phải có nhiều thời gian thu thập xác minh làm rõ; vẫn còn một số tồn tại, hạn chế mang tính chất lịch sử để lại nên trong quá trình giải quyết, khắc phục gặp rất nhiều khó khăn, tuy Sở đã có nhiều nỗ lực với quyết tâm và tinh thần trách nhiệm cao nhưng chưa thể khắc phục dứt điểm; một số vụ việc vượt thẩm quyền của Sở, tuy đã báo cáo đề xuất nhiều lần nhưng vẫn chưa có ý kiến chỉ đạo của cấp trên nên việc thực hiện còn trì trệ, chưa dứt khoát, kéo dài thời gian.

- Ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân còn thấp nên hiệu quả quản lý đạt được ở một số lĩnh vực chưa cao (đất đai, môi trường, khai thác khoáng sản, đất, cát giồng,...). Một số tổ chức và hộ gia đình cá nhân chưa nhiệt tình phối hợp trong việc hoàn thiện hồ sơ, thủ tục về TNMT.

- Nguồn thu nhập cho CC, VC, NLĐ chưa cao trong khi đó áp lực hồ sơ trả hện, ISO, quy trình, thủ tục nên thường xuyên tăng ca làm thêm giờ, một số người lao động chưa an tâm công tác. Đồng thời nhân sự thường xuyên biến động phần nào cũng ảnh hưởng đến công tác chuyên môn.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1) Đối với Trung ương:

- Kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL chuyên ngành đồng bộ hơn, phù hợp thực tế địa phương; sớm ban hành các văn bản hướng dẫn chuyên môn có liên quan đến các Nghị định chuyên ngành; tăng cường, kịp thời hơn nữa hỗ trợ địa phương tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc (sớm trả lời các văn bản do địa phương gửi đến) để địa phương tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao.

- Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung quy định hoặc hướng dẫn cụ thể quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020, nội dung: Quy cách lắp đặt thiết bị giám sát hành trình của phương tiện khai thác, việc tiếp nhận, xử lý thông tin; đồng thời bổ sung quy định chế tài xử lý khi có vi phạm; hướng dẫn cụ thể, phù hợp thực tế quy trình, phương pháp kiểm soát trữ lượng khoáng sản trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên sâu về công tác quản lý TNMT tại địa phương; định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện quy định pháp luật về tài nguyên khoáng sản ít nhất 01 lần/năm, đề tổng hợp, phổ biến kinh nghiệm, phương pháp làm hay; đồng thời giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của địa phương trong quá trình áp dụng quy định pháp luật.

2) Đối với UBND tỉnh:

- Quan tâm chỉ đạo trong thực hiện kiện toàn tổ chức bộ máy ngành TNMT (sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ công chức theo đúng Đề án vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt, bảo đảm bố trí đúng người, đúng việc, phù hợp với năng lực, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ) góp phần nâng cao chất lượng thực thi công vụ của từng công chức để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng giải quyết các hồ sơ, TTHC về đất đai đúng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; cải cách tác phong, lề lối làm việc của từng công chức nhằm đảm bảo và đáp ứng yêu cầu công việc, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ cho các doanh nghiệp; cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai trong bộ chỉ số CPI của tỉnh.

- Chỉ đạo khẩn trương củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường, xem xét chỉ đạo ưu tiên cấp bù số lượng biên chế công chức từ nguồn biên chế dự phòng của tỉnh để bố trí để bảo đảm thực hiện tốt, có hiệu quả nhiệm vụ được giao ở các địa phương; UBND tỉnh xem xét trình Tỉnh ủy cho phép Sở TNMT không cắt giảm 2 biên chế (từ 52 xuống còn 50 biên chế thực hiện nhiệm vụ kể từ năm 2024 trở về sau) để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Quan tâm chỉ đạo các Sở, ngành, UBND cấp huyện tăng cường phối hợp, chia sẻ trong thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; nhắc nhở,

uốn nắn, chấn chỉnh lãnh đạo UBND cấp huyện (*phụ trách lĩnh vực TNMT*) có dấu hiệu “Ngán ngại”, sợ trách nhiệm làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Sở tăng cường hướng dẫn, chủ động phối hợp thực hiện đầy đủ trách nhiệm thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ, nhất là nội dung tại khoản 5 Điều 12 Nghị định này, hỗ trợ cấp huyện, cấp xã quản lý, ngăn chặn tốt hơn trình trạng xả thải trực tiếp ra môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản.

- UBND tỉnh xem xét xử lý hoặc trình Tỉnh ủy chỉ đạo các vụ việc vượt thẩm quyền của Sở TNMT; giao Sở TNMT tiếp tục tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh để chỉ đạo xử lý dứt điểm các vụ việc tồn đọng, kéo dài, có yếu tố lịch sử để lại.

- Chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc chấp hành pháp luật, hoạt động tại các bến, bãi vật liệu xây dựng, bãi tập kết đất, cát. Kiên quyết xử lý nghiêm các bến, bãi tự phát, tập kết đất, cát không chứng minh được nguồn gốc, góp phần kiểm soát tình hình khai thác trái phép khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TNMT

Kịp thời triển khai các văn bản QPPL, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về TNMT được đầy đủ, sâu rộng, cụ thể và nhanh chóng.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua Trang thông tin điện tử của Sở, mạng xã hội zalo, facebook Sở TNMT đồng hành cùng doanh nghiệp,...

Phối hợp các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp thực hiện sơ kết quy chế phối hợp trong tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về TNMT; Kịp thời sơ, tổng kết thực hiện Chỉ thị 46, Chỉ thị 47, Chỉ thị 27, Chỉ thị 29 của Ban thường vụ Tỉnh ủy.

Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phòng tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hưởng ứng Ngày Nước thế giới và Ngày Khí tượng thế giới theo chỉ đạo của BTNMT và UBND tỉnh; triển khai Kế hoạch tuyên về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam năm 2024 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Tiếp tục củng cố tổ chức, cải tiến lề lối làm việc; tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho CC, VC, NLĐ 3 cấp (tỉnh, huyện, xã).

Giải quyết tốt TTHC về TNMT cho người dân, doanh nghiệp, tiếp tục kéo giảm hồ sơ trễ hẹn dưới 1,5%. Thực hiện tốt việc giải quyết các TTHC theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015

2. Tham mưu ban hành văn bản QPPL

Chủ động tham mưu Tỉnh ủy, HĐND - UBND tỉnh văn bản QPPL có liên quan đến các lĩnh vực của ngành. (*Đính kèm Phụ lục 6*)

3. Lĩnh vực tài nguyên đất

- Hoàn thành Kế hoạch sử dụng đất (2021-2025) của tỉnh Trà Vinh; lập Kế hoạch sử dụng đất (2026-2030) tỉnh Trà Vinh theo quy định; hoàn thành phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện, công bố theo quy định; lập

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện; tiếp tục tổng hợp danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác năm 2024 và năm 2025.

- Kiểm tra, trình phê duyệt kết quả thống kê đất đai năm 2023 trên địa bàn tỉnh; triển khai, thực hiện Dự án Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất; tổ chức thực hiện Phương án kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh; trình UBND tỉnh xin chủ trương thực hiện Phương án quản lý các khu đất năm 2024.

- Tiếp tục phối hợp UBND cấp huyện tham mưu thực hiện trình quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định; phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh thực hiện thẩm định chủ trương đầu tư; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư theo quy định (nếu có); đề xuất làm tốt đầu giá, khai thác, sử dụng có hiệu quả các khu đất công giao quản lý.

- Tiếp tục theo dõi thực hiện TKKT-DT đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính huyện Trà Cú và TX Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh: Thực hiện nghiệm thu kết thúc, tổng kết dự án.

- Tiếp tục khẩn trương thực hiện GPMB các công trình, tập trung quyết liệt các dự án trọng điểm như: dự án cầu Đại Ngãi, dự án Hồ chứa nước ngọt, dự án Khối nhà làm việc Thường trực Tỉnh ủy, Khu Công nghiệp Cổ Chiên, Đường tỉnh 915B (giai đoạn 2), Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu - tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2);...

4. Lĩnh vực quản lý tài nguyên, biển đảo và KTTV-BĐKH

- Tham mưu hướng dẫn và cấp phép các thủ tục có liên quan đến tài nguyên, giao khu vực biển, sự cố tràn dầu; tiếp tục triển khai đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát san lấp); tham mưu hoàn thiện các bước tiếp theo 2 mở cát trúng đấu giá (đang hoàn thiện thủ tục thẩm dò); hồ sơ cải tạo đất, phương án hạ độ cao của các tổ chức, cá nhân thực tế theo phát sinh trong năm 2024; Theo dõi việc điều chỉnh, bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Quyết định số 2575/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của UBND tỉnh.

- Triển khai Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 01/11/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành tham mưu thay thế Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động cải tạo đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 16/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030.

- Tham mưu thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh; Tổng hợp báo cáo đề xuất nhu cầu về sản phẩm khí tượng thủy văn phục vụ phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương

- Kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước lập Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Phối hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, tổng hợp các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước chưa được cấp phép theo quy định.

5. Lĩnh vực môi trường

- Tiếp tục tham mưu hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện thủ tục môi trường đối với các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh; thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp năm 2024.

- Tiếp tục tham mưu thực hiện có hiệu quả và kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19/10/2022 và Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh; báo cáo kết quả định kỳ theo quy định.

- Tăng cường cấp phép, theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình công tác BVMT đối với các dự án đã cấp thủ tục môi trường, các dự án thuộc Trung tâm Điện lực Duyên Hải; Vận hành thường xuyên, liên tục 02 trạm quan trắc không khí tự động và 05 trạm quan trắc (01 trạm không khí, 02 trạm quan trắc nước mặt, 02 trạm quan trắc nước biển) thuộc dự án Mở rộng, nâng cấp hệ thống quan trắc, chia sẻ cơ sở dữ liệu và quản lý môi trường thông minh; đưa vào vận hành 14 trạm quan trắc dự báo nước mặn và giám sát chất lượng nước tự động tỉnh Trà Vinh.

- Tiếp tục tham mưu kết quả thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Trà Vinh nhiệm kỳ 2020 -2025 và Nghị quyết Tỉnh ủy năm 2024 (theo dõi tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực thành thị, nông thôn hàng tháng).

- Hỗ trợ các xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024; tiếp tục huyện Tiểu Cần thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2024; hỗ trợ thực hiện đạt huyện nông thôn mới nâng cao đối với huyện Châu Thành.

- Tiếp tục hoạt động tuyên truyền về BVMT; tiếp tục triển khai Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa và rác thải nhựa đại dương đến năm 2030; triển khai nhân rộng các mô hình thu gom, phân loại rác thải nhựa.

6. Lĩnh vực Thanh tra

- Phân công 01 thanh tra viên tiếp công dân tại Sở và xử lý kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh gửi đến. Tham mưu giải quyết đơn thuộc thẩm của Giám đốc Sở TNMT (đạt tỷ lệ 100%); giải quyết tốt các công việc và đơn thư do Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện (đạt tỷ lệ 85%); không để xảy ra điểm nóng, phức tạp.

- Xây dựng và thực hiện hoàn thành triệt để kế hoạch thanh tra năm 2024 và theo dõi kết quả thực hiện kết luận thanh tra đối với các cá nhân, tổ chức có liên quan. Tăng cường kiểm tra các bến, bãi, cơ sở chứa cát, đất mặt ruộng, đất giồng theo Kế hoạch phối hợp kiểm tra hoạt động khai thác, vận chuyển, kinh doanh, tập kết, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Chủ động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành các lĩnh vực đất đai, bảo vệ môi trường, tài nguyên nước;... Ưu tiên công tác nắm tình hình, thanh tra, kiểm tra đột xuất khi phát hiện các cá nhân và tổ chức có dấu hiệu vi phạm.

7. Lĩnh vực công nghệ và thông tin

Thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo thẩm quyền; tăng cường thực hiện kế hoạch chuyển đổi số ngành TNMT; tăng cường ứng dụng CNTT, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành TNMT; quản trị mạng, duy trì hoạt động và nâng cấp Trang thông tin TNMT.

8. Thực hiện công trình, dự án lĩnh vực TNMT (Đính kèm Danh mục 34 nhiệm vụ, dự án sự nghiệp năm 2023 (Phụ lục 7).

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2024 của Sở TNMT./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT (b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- TT UBND tỉnh (b/c);
- BTG TU (b/c);
- Sở KH&ĐT;
- BLĐ Sở;
- Các phòng, đv thuộc Sở;
- Phòng TNMT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Hùng